



**Trung tâm Tin học và
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông thôn**

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 8/2020

1

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 8 năm 2020 ước đạt 3,63 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2020 đạt 26,15 tỷ USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt gần 12 tỷ USD, giảm 3,2%; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 250 triệu USD, giảm 25%; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 5,2 tỷ USD, giảm 5,3%; giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 7,83 tỷ USD, tăng 10,3%.

Ước giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 8 năm 2020 đạt 2,72 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2020 đạt 19,95 tỷ USD, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 16,05 tỷ USD, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2019. Giá trị nhập khẩu của các mặt hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu, dầu mỡ động thực vật, lúa mì, ngô, đậu tương và chăn nuôi ước tăng so với cùng kỳ năm 2019, trong khi giá trị nhập khẩu của các mặt hàng nông, lâm, thủy sản còn lại đều được ước tính sẽ sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Tính đến ngày 15/8/2020, khối lượng gạo xuất khẩu đạt 4,3 triệu tấn, trị giá 2,1 tỷ USD giảm 0,3% về lượng và 12,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 8 năm 2020 ước đạt 500 nghìn tấn với giá trị đạt 251 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo 8 tháng đầu năm 2020 đạt 4,5 triệu tấn và 2,2 tỷ USD, giảm 1,7% về khối lượng nhưng tăng 10,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Chỉ tính

Thông tin tham khảo – Các ý kiến đóng góp, góp ý, xin gửi về thuongmai.cb@mard.gov.vn

riêng 7 tháng đầu năm 2020, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam với 35,3% thị phần với giá trị xuất khẩu đạt 1,5 triệu tấn và 688,3 triệu USD, tăng 2,7% về khối lượng và tăng 17,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh nhất gồm Senegal (gấp 19,8 lần đạt 41,4 nghìn tấn và 14,7 triệu USD), Indonesia (gấp 3,1 lần đạt 59,3 nghìn tấn và 33,3 triệu USD) và Trung Quốc (tăng 84% đạt 493,1 nghìn tấn và 293,4 triệu USD); trong khi các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất là Iraq (giảm 61,2% xuống 90,0 nghìn tấn và 47,6 triệu USD). Giá gạo xuất khẩu bình quân 7 tháng đầu năm 2020 đạt 487,2 USD/tấn, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Về chủng loại xuất khẩu, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 45,2% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 36,6%; gạo nếp chiếm 13,7%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 4,5%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippin (với 465,4 triệu USD, chiếm 55,5%), Malaysia (với 117,7 triệu USD, chiếm 14,0%) và Cuba (với 57,4 triệu USD, chiếm 6,8%). Với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippin (với 257,4 triệu USD, chiếm 32,5%), Ghana (với 126,2 triệu USD, chiếm 16,0%) và Bờ Biển Ngà (với 97,0 triệu USD, chiếm 12,3%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (với 276,4 triệu USD, chiếm 72,0%), Malaysia (với 27,1 triệu USD, chiếm 7,1%) và Philippin (với 26,8 triệu USD, chiếm 7,0%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Kiribati (với 20,5 triệu USD, chiếm 22,1%), Đảo quốc Solomon (với 15,8 triệu USD, chiếm 17,0%) và Trung Quốc (với 7,0 triệu USD, chiếm 7,6%).

Giá gạo tại các quốc gia xuất khẩu gạo lớn tại Châu Á đang có chiều hướng tăng tích cực. Trong đó, gạo xuất khẩu Ấn Độ tăng cao do ảnh hưởng của lũ lụt và sự lan rộng của dịch Covid-19 khiến hoạt động logistics bị gián đoạn. Giá gạo xuất khẩu Việt Nam tăng lên mức cao nhất kể từ cuối năm 2011 do tác động từ yếu tố mùa vụ, hiện vụ thu hoạch Hè Thu đã gần kết thúc nên nguồn cung bị thu hẹp hơn; ngoài ra, dịch Covid-19 tái bùng phát khiến nhiều tác nhân trong chuỗi tăng cường dự trữ. Dự báo giá sẽ tiếp tục tăng trong vài tháng tới cho đến khi vụ thu hoạch mới vào khoảng tháng 10. Tại Thái Lan, giá gạo tiếp tục tăng nhẹ. Tuy nhiên, nhu cầu thị trường đối với gạo Thái Lan chỉ ở mức thấp do giá gạo nước này không cạnh tranh. Trong tháng, gạo 5% tấm Ấn Độ tăng từ 380 - 385 USD/tấn lên 383 - 389 USD/tấn. Gạo tiêu chuẩn 5% tấm Thái Lan tăng từ 463 - 485 USD/tấn lên mức 480 - 500 USD/tấn, mức cao nhất kể từ đầu tháng 7/2020. Gạo 5% tấm Việt Nam tăng từ 470 USD/tấn lên 480 - 490 USD/tấn, mức cao nhất kể từ cuối năm 2011.

Tại thị trường trong nước, giá lúa gạo tại các tỉnh ĐBSCL tăng so với tháng 7. Thu hoạch vụ Hè Thu cơ bản đã gần hoàn tất, nguồn cung hạn chế khiến cho giá lúa tăng. Tại An Giang, lúa IR50404 tăng 200 đ/kg, từ 5.400 đ/kg lên 5.600 đ/kg; lúa OM

5451 tăng 300 đ/kg lên 5.800 đ/kg; lúa OM 6976 tăng 250 đ/kg lên mức 5.650 đ/kg; lúa gạo thường giảm 500 đ/kg xuống 10.500 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.500 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 300 đ/kg lên 6.000 – 6.100 đ/kg; lúa OM 6976 tăng 200 đ/kg lên 6.500 – 6.700 đ/kg; lúa OM 5451 tăng 200 đ/kg lên 6.600 – 6.800 đ/kg. Tại Bạc Liêu, lúa OM 5454, OM 4900 giữ ở mức 5.200 – 5.500 đ/kg; lúa tươi ST24, ST25 ở mức 6.200 - 6.300 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 ổn định ở mức 5.100 đ/kg; lúa khô ở mức 5.400 đ/kg; lúa hạt dài ướt ở mức 5.400 đ/kg, lúa khô ở mức 5.600 đ/kg. Tại Cần Thơ, giá lúa được ghi nhận ở mức cao với cùng kỳ 5 năm trở lại đây. Từ đầu tháng 8 đến nay giá lúa liên tục tăng, trung bình 500 đ/kg. Trong đó, giá lúa IR50404 tươi từ 5.700 – 5.800 đ/kg, các giống lúa chất lượng cao OM 957, OM 9582 giá 6.100 đ/kg, lúa OM 6976 ở mức 6.000 đ/kg, Jasmine 6.000 đ/kg, Đài Thơm 8 6.200 đ/kg, Nàng Hoa 9 6.500 đ/kg, lúa OM 5451 ở mức 6.000 đ/kg.

Một số nhận định và dự báo: Theo thông tin dự báo cập nhật mới nhất trong tháng 8/2020 của Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng gạo của thế giới năm 2020 ước đạt 495,7 triệu tấn, giảm khoảng 0,2% so với năm 2019. Tiêu dùng gạo thế giới năm 2020 ước đạt 490,9 triệu tấn, tăng khoảng 1,4% so với năm 2019.

3

2. Rau quả

Tính đến ngày 15/8/2020, giá trị xuất khẩu rau quả đạt 2,1 tỷ USD, giảm 11,8% so với cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 8 năm 2020 ước đạt 280 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 8 tháng đầu năm 2020 đạt gần 2,26 tỷ USD, giảm 11,3% so với cùng kỳ năm 2019. Tính trong 7 tháng đầu năm, Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam với 58,2% thị phần; giá trị xuất khẩu đạt 1,15 tỷ USD, giảm 28,9% so với cùng kỳ năm 2019. Các thị trường xuất khẩu rau quả khác của Việt Nam tăng trưởng có thể kể đến là Hàn Quốc đạt 94 triệu USD (chiếm 4,7% thị phần, tăng 22,6%); Hoa Kỳ đạt 90 triệu USD (chiếm 4,6%, tăng 7,1%); Thái Lan đạt 88,4 triệu USD (chiếm 4,5%, tăng 215,5%); Nhật Bản đạt 79,2 triệu USD (chiếm 4%, tăng 11,9%); Đài Loan đạt 52,7 triệu USD (chiếm 2,7%, tăng 73,1%). Giá trị xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm 2020 giảm do giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng giảm, trong đó có thanh long - mặt hàng chiếm thị phần cao nhất (với 34,4% tổng giá trị xuất khẩu), đạt 680,7 triệu USD, giảm 7,7%; chuối đạt 119 triệu USD (chiếm 6%, giảm 9,1%); sầu riêng đạt 59,4 triệu USD (chiếm 3%, giảm 66,3%); vải đạt 35,1 triệu USD (chiếm 1,8%, giảm 22,2%); dưa hấu đạt 34,3 triệu USD (chiếm 1,7%, giảm 37,7%); nhãn đạt 21,2 triệu USD (chiếm 1,1%, giảm 78,5%).

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 8/2020 ước đạt 93 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2020 đạt 810 triệu USD, giảm 36,1% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ôxtrâyliia là các thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2020

với giá trị nhập khẩu lần lượt là 180,9 triệu USD (chiếm 25,3% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước); 175,1 triệu USD (chiếm 24,4%, giảm 35,7%) và 62,9 triệu USD (chiếm 8,8%, giảm 3,3%).

Trong nước, giá một số mặt hàng trái cây diễn biến như sau: Tháng 8 là thời điểm vào vụ thu hoạch chanh, song giá chanh tại tỉnh Long An khá tốt, với giá 9.000 - 10.000 VNĐ/kg. Những năm trước, vào thời điểm này, giá chanh chỉ từ 4.000 - 5.000 VNĐ/kg. Nhiều diện tích chanh được nông dân sản xuất theo chuẩn VietGAP, GlobalGAP để tăng mạnh xuất khẩu. Bên cạnh đó, giá chuối tại một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long như Kiên Giang, Hậu Giang, An Giang, Cần Thơ... tăng lên do nhiều thương lái thu mua chuối đưa đi các nơi tiêu thụ. Cụ thể, giá chuối xiêm mua tại vườn từ 8.000 - 10.000 VNĐ/nải, mức giá này tăng khoảng 2.000 - 4.000 VNĐ/nải so thời điểm đầu quý II/2020; Giá thanh long trong tháng 8 diễn biến giảm liên tục xuống mức giá còn 3.000 - 3.500 VNĐ/kg, trong khi con số này của cuối tháng trước là 6.000-7.000 VNĐ/kg. Theo các thương lái, mùa này thanh long chín rộ trúng ngay thời điểm Covid-19 tái phát ở nhiều nơi trong nước khiến hoạt động tiêu thụ gặp khó khăn. Các vụ xuất khẩu cầm chừng, nguồn hàng trong kho còn ứ đọng nhiều, nên giá bị đẩy xuống nhanh; Mùa thu hoạch nhãn ở các tỉnh phía Bắc đặc biệt là tỉnh Hưng Yên vào những ngày dịch Covid-19 quay trở lại, ảnh hưởng đến tiêu thụ. Nhãn tươi loại đẹp nhất tại vườn có giá từ 13.000 - 14.000 VNĐ/kg và có thời điểm xuống đến 7.000 - 8.000 VNĐ/kg; Nước mặn khiến hầu hết vườn dứa xiêm ở tỉnh Bến Tre bị ảnh hưởng, trái không đạt chất lượng nên thương lái chỉ thu mua với giá 6.000 VNĐ/1 chục (12 quả). Tuy nhiên, năm nay hầu hết các vườn dứa hữu cơ đều không bị hoặc bị ảnh hưởng bởi hạn mặn rất ít do trong đất ở những vườn dứa hữu cơ luôn đủ dinh dưỡng và độ ẩm trong thời gian bị nước mặn xâm nhập. Mặc dù diện tích vườn dứa hữu cơ tại Bến Tre chỉ chiếm khoảng 3-5% trong tổng số 73.000 ha dứa nhưng đã mở ra một hướng đi bền vững cho cây dứa Bến Tre.

Vào những ngày đầu tháng, giá một số loại rau củ tại Lâm Đồng đã giảm mạnh do nhu cầu giảm khi du khách hạn chế đi lại bởi đợt dịch bệnh Covid-19 tái bùng phát. Tuy nhiên vào những ngày cuối tháng, giá các mặt hàng này đã có dấu hiệu hồi phục do điều kiện thời tiết mưa nhiều tại các vùng lân cận và các thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM... đã khiến nhu cầu từ các vùng này gia tăng.

Một số nhận định và dự báo: (1) Xuất khẩu trái cây sang Hoa Kỳ có nhiều tín hiệu khả quan sau những nỗ lực đàm phán của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam với Bộ Nông nghiệp Mỹ, Cơ quan Kiểm dịch động thực vật Mỹ (APHIS) đã tiếp tục cử chuyên gia thực hiện giám sát xử lý hoa quả tươi xuất khẩu sang thị trường này, sau những gián đoạn do tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19; **(2)** Ngoài thị trường Trung Quốc, xuất khẩu trái cây có nhiều tín hiệu khả quan khi nhiều chủng loại quả của Việt Nam được thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường có yêu cầu

cao về chất lượng sản phẩm như: 20 tấn thanh long ruột đỏ của tỉnh Sơn La được xuất khẩu sang Nhật Bản; 7 tấn sầu riêng đông lạnh được xuất khẩu vào Úc, 10 tấn thanh long ruột đỏ được xuất khẩu sang Nga, ...

3. Sản và sản phẩm từ sản

Trong tháng 8 năm 2020, xuất khẩu sản và sản phẩm sản ước đạt 200 nghìn tấn, tương đương 73 USD, đưa khối lượng xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,78 triệu tấn với giá trị 619 triệu USD; tăng 15,6% về khối lượng và 3,5% về giá trị so với cùng kì năm 2019. Giá xuất khẩu sản và sản phẩm sản bình quân 8 tháng đầu năm 2020 ước đạt 347,4 USD/tấn, giảm 10,4% so với cùng kì năm ngoái.

Xét về cơ cấu sản phẩm, trong 8 tháng đầu năm 2020 xuất khẩu sản lát tăng mạnh ước đạt 478 nghìn tấn, tương đương 108 triệu USD, tăng 85% về lượng và 95% về giá trị so với cùng kì năm trước. Giá xuất khẩu sản lát bình quân 8 tháng ở mức 226 USD/tấn, tăng 5% so với mức giá 211,5 USD/tấn của cùng kì năm trước. Về mặt hàng tinh bột sản, xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,3 triệu tấn với giá trị 511 triệu USD, tương đương tăng 2% về lượng và giảm 6% về giá trị so với cùng kì năm 2019. Giá xuất khẩu bình quân tinh bột sản đạt 392 USD/tấn, giảm 7% so với cùng kì năm trước.

5

Về cơ cấu thị trường, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chủ lực trong 7 tháng đầu năm 2020. Cụ thể tổng sản lượng xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang Trung Quốc 7 tháng đầu năm 2020 đạt 1,44 triệu tấn, tương đương với 496 triệu USD, tăng 18,8% về sản lượng và tăng 4,8% về giá trị so với cùng kì năm 2019. Đài Loan, Malaysia cũng là 2 nước duy trì tăng trưởng nhập khẩu sản và sản phẩm sản của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2020, với mức tăng trưởng về giá trị xuất khẩu lần lượt là 37,2% và 11,4% so với cùng kì năm ngoái.

Xuất khẩu tinh bột sản của Việt Nam sang Trung Quốc đã ghi nhận sự tăng trở lại. Lượng xuất khẩu ghi nhận ở mức 164 nghìn tấn, với giá trị 64 triệu USD, tăng 73% về lượng và 71% về giá trị so với tháng 6 năm 2020. Nhu cầu mua hàng tinh bột sản của Trung Quốc tại Lạng Sơn và Móng Cái tăng nhiều hơn từ cuối tháng 6/2020. Giá xuất khẩu tinh bột sản vẫn duy trì ở mức cao là 390 USD/tấn do giá nguyên liệu đầu vào có xu hướng tăng và tồn kho nhà máy đạt thấp do hết vụ.

Trong khi đó, xuất khẩu sản lát sang nước này lại tụt giảm mạnh trong tháng 7 năm 2020, chỉ đạt 27 nghìn tấn tương đương 5,8 triệu USD, giảm 42% về lượng và 46% về giá trị so với tháng 6 năm 2020. Đây là mức xuất khẩu thấp kể từ cuối năm 2019 đến nay. Mặc dù vậy, giá xuất khẩu sản lát sang Trung Quốc cuối tháng 7 tăng lên ở mức 240-242 USD/tấn. Mức giá bình quân xuất khẩu sản lát trong cả tháng 7 đạt 214 USD/tấn giảm 7% so với tháng 6 năm 2020, nhưng tăng 8% so với cùng kì năm ngoái. Hiện nhu

cầu của Trung Quốc với sản lát xuất khẩu tại cửa khẩu biên giới phía Bắc Việt Nam tăng mạnh nhưng phía Việt Nam đã hết hàng.

Tại thị trường trong nước, giá giao dịch sản lát tháng 8 năm 2020 tại khu vực Tây Ninh/Bình Phước tiếp tục tăng do tồn kho thấp, mặc dù nhu cầu mua từ nhà máy chậm, giao động ở mức 5.300-5.400 đồng/kg. Giá tinh bột sản nội địa tại Tây Ninh cũng ở mức cao đạt 9.400-10.000 đồng/kg. Hiện bệnh khảm lá sản đã lây lan ra 18 tỉnh, diện tích bị nhiễm bệnh khảm lá sản gồm 54.374 ha, trong đó nhiễm nặng 5.740 ha và đã phòng trừ 2.068 ha.

Một số nhận định và dự báo: Trong ngắn hạn, giá xuất khẩu sản lát và tinh bột sản dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao khi nguồn cung suy giảm trong bối cảnh diện tích một số tỉnh trồng sản bị nhiễm bệnh khảm lá, đe dọa đến năng suất sản vụ mới 2020/2021.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 8 năm 2020 ước đạt 110 nghìn tấn với giá trị đạt 197 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê 8 tháng đầu năm 2020 đạt 1,16 triệu tấn và 1,98 tỷ USD, giảm 1,3% về khối lượng và giảm 1,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Đức, Hoa Kỳ và Italy tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2020 với thị phần lần lượt là 13,6% (đạt 243,5 triệu USD), 9% (đạt 160,3 triệu USD) và 7,8% (đạt 139,4 triệu USD). Giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh tại các thị trường: Ba Lan (tăng 52,6%, đạt 26,2 triệu USD), Nhật Bản (tăng 15,1%, đạt 117 triệu USD) và Bỉ (tăng 10,6%, đạt 81,7 triệu USD), trong khi giảm mạnh nhất tại thị trường Anh (giảm 26%, đạt 37,4 triệu USD) và thị trường Thái Lan (giảm 19%, đạt 33,6 triệu USD). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2020 đạt 1.788 USD/tấn, giảm nhẹ 0,03% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 8/2020, giá cà phê thế giới biến động tăng và liên tục điều chỉnh biên độ. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 9/2020 thị trường London tăng 139 USD/tấn lên 1.496 USD/tấn (giá cao nhất trong 31 tuần). Tại thị trường New York, giá giao tháng 9/2020 ở mức 2.669 USD/tấn, tăng 10,8% so với tháng 7/2020. Tính đến cuối tháng 8/2020, tồn kho cà phê đạt chuẩn Arabica thuộc sàn New York là 80,2 nghìn tấn, mức thấp nhất tính từ hơn 42 tuần qua. Tồn kho đạt chuẩn Robusta thuộc sàn London là 109,4 nghìn tấn là mức thấp nhất tính từ 21 tuần nay. Điều này có thể sẽ gia tăng lượng hàng bán ra trong tháng tiếp theo của quý III/2020. Giá xuất khẩu bình quân tháng 8/2020 ước đạt 1.788 USD/tấn, tăng 0,06% so với tháng 7/2020 và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2019,

Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng xu hướng thị trường thế giới. So với tháng 7/2020, giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 800 đ/kg lên mức

32.900 – 33.400 đ/kg. Giá cà phê cao nhất ở khu vực tỉnh Đắk Lắk và thấp nhất tại khu vực tỉnh Lâm Đồng. Cà phê Robusta giá FOB giao tại cảng thành phố Hồ Chí Minh tăng 0,6% lên mức 34.400 đ/kg. Một số địa phương trồng cà phê tại khu vực Tây Nguyên gặp khó khăn với tình trạng thiếu nước kéo dài, cùng với sản lượng thấp có thể sẽ đẩy giá nội địa tăng trong thời gian tới.

Một số nhận định và dự báo: (1) Chỉ số giá trị đồng USD tiếp tục yếu do vẫn còn nhiều lo ngại cho khả năng khôi phục kinh tế sau đại dịch. Chỉ số giảm liên tục đã hỗ trợ cho nhóm hàng nông sản nói chung và cà phê nói riêng. Đồng nội tệ Brazil, hiện vẫn đang ở mức có lợi cho người bán, đã giảm 23,4% từ đầu năm 2020 do một phần vì tình hình chính trị, phần khác do dịch bệnh Covid-19 với lượng lây nhiễm và tử vong ở mức cao. Trước tình hình giá cà phê liên tục biến động, dự báo trong thời gian tới, giá cà phê diễn biến đảo chiều do áp lực hợp đồng giao tháng 9 đã sắp đến ngày thông báo giao hàng đầu tiên; **(2)** Mặc dù nhập khẩu cà phê nói chung của Canada giảm nhưng nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam vẫn tăng, cho thấy triển vọng của cà phê Việt Nam ở thị trường này. Với 37 triệu dân, mức sống cao và tỉ lệ đô thị hoá tới 80%, Canada là thị trường tiềm năng cho nhiều mặt hàng Việt Nam, trong đó có cà phê. Chính sách của Canada được đánh giá có độ mở cho nông sản nhiệt đới với thuế suất 0% và không có nhiều rào cản kỹ thuật. Bên cạnh đó, mới đây, hệ thống Walmart Canada đã đầu tư lớn để đẩy mạnh phát triển thương mại và cơ sở hạ tầng công nghệ nhằm phục vụ nhu cầu mua sắm trực tuyến thích ứng với xu hướng thay đổi thói quen tiêu dùng đối phó với tình hình dịch bệnh tại Canada ¹

7

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 8 năm 2020 ước đạt 13 nghìn tấn với giá trị đạt 21 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 8 tháng đầu năm 2020 đạt 84 nghìn tấn và 134 triệu USD, tăng 3,5% về khối lượng nhưng giảm 6,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 8 tháng đầu năm 2020, do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, xuất khẩu chè sang nhiều thị trường giảm mạnh, đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Đại dịch đã ảnh hưởng mạnh đến nhập khẩu chè của Trung Quốc, làm suy giảm đáng kể cả về khối lượng và giá trị. Trong nửa đầu năm 2020, Trung Quốc đã nhập khẩu khoảng 17 nghìn tấn chè, với giá trị đạt 71,6 triệu USD, giảm 7,3% về khối lượng và giảm 20,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019². Trong đó, xuất khẩu chè trong nửa đầu năm 2020 từ Việt Nam sang Trung Quốc đã giảm khoảng 13,2% về khối lượng và 54,2% về giá trị so với nửa đầu năm 2019.

¹ Thông tin từ Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

² Trích báo cáo của Hiệp hội chè Việt Nam, 8/2020

Trên thị trường thế giới, giá chè có xu hướng tăng ở các thị trường lớn. Cụ thể, giá chè tại Ấn Độ tiếp tục tăng mạnh lên mức kỷ lục chưa từng có do nguồn cung bị ảnh hưởng bởi lụt lội ở các bang trồng chính và việc nới lỏng lệnh phong tỏa ở một số bang. Tại Kenya, giá chè cũng đã có dấu hiệu cải thiện sau khi những người mua hàng đầu như Pakistan, Anh, Ai Cập và các nước Trung Đông đang thu mua gần như tất cả các loại chè của họ ở Mombasa do giá cao hơn ở Ấn Độ. Tại Ấn Độ, giá chè trung bình trong tháng tính đến ngày 15/8 tại các phiên mở bán của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor (CTTA) đạt 154,71Rs/kg (tương đương khoảng 2,1 USD/kg), tăng 23,92 Rs/kg (tương đương khoảng 0,3 USD/kg) so với tháng trước. Giá chè BP1 giao ngay tại các phiên đấu giá trong tháng qua (tính đến ngày 19/8) tại sàn giao dịch Mombasa của Kenya đạt trung bình 3,73 USD/kg, tăng 0,49 USD/kg so với tháng trước.

Tại thị trường trong nước, giá chè nguyên liệu trong tháng 8/2020 không có biến động. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng giữ giá ở mức 190.000 đ/kg, chè xanh búp khô 90.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 120.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành tăng nhẹ 300 đ/kg lên 9.800 đ/kg, chè hạt ổn định mức 7.500 đ/kg.

8

Một số nhận định và dự báo: Giá chè trên thị trường thế giới có khả năng tăng trong thời gian tới do sự suy giảm mạnh về nguồn cung. Theo thống kê từ các nước sản xuất chè cho thấy, sản lượng chè đen toàn cầu trong nửa đầu năm 2020 chỉ đạt 831.490 nghìn tấn, giảm 74.610 tấn (tương đương 8,23%) so với cùng kỳ năm 2019. Nhiều quốc gia giảm sản lượng chè đen do thời tiết bất lợi, cùng với ảnh hưởng từ việc phong tỏa toàn quốc và đóng cửa các nhà máy để ngăn chặn sự lây lan của đại dịch Covid-19. Mức suy giảm sản lượng mạnh nhất diễn ra ở 2 quốc gia sản xuất chè đen lớn là Ấn Độ và Sri Lanka. Cụ thể, trong nửa đầu năm 2020, sản lượng chè đen của Ấn Độ đạt 348.260 tấn, giảm 124.700 tấn (tương đương 26,37%) so với cùng kỳ năm 2019; Sri Lanka đạt 128.640 tấn, giảm 18,52%³.

6. Hồ tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 8 năm 2020 ước đạt 18 nghìn tấn với giá trị đạt 45 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu tiêu 8 tháng đầu năm 2020 đạt 203 nghìn tấn và 445 triệu USD, giảm 7,4% về khối lượng và giảm 20% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Ba thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam tiếp tục là Hoa Kỳ, Ấn Độ và Đức, chiếm 30,8% trong tổng giá trị xuất khẩu tiêu của Việt Nam. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 7 tháng năm 2020 đạt 2.169 USD/tấn, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2019.

³ Trích thông tin tổng hợp từ trang tin "beta.gappingworld.com"

Trong 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tiêu sang nhiều thị trường đã giảm mạnh. Trong đó, Ấn Độ là thị trường có mức suy giảm mạnh nhất do chịu ảnh hưởng đáng kể của đại dịch Covid-19. Cụ thể, xuất khẩu tiêu sang Ấn Độ trong 7 tháng đầu năm 2020 đạt 9,2 nghìn tấn, tương đương 20,2 triệu USD, giảm 40,2% về khối lượng và giảm 46,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần của Ấn Độ theo đó cũng đã giảm 2,3% từ mức 7,4% xuống còn 5,1%.

Trên thị trường thế giới, giá tiêu xuất khẩu tháng 8/2020 có xu hướng tăng tại Ấn Độ và Việt Nam, trong khi ổn định tại Brazil và Malaysia, nhưng giảm tại Indonesia. Cụ thể, giá tiêu giao tại cảng của Ấn Độ đã tăng 157 USD/tấn, Việt Nam tăng 100 USD/tấn. Trong khi đó, giá tiêu tại Indonesia giảm 143 USD/tấn⁴.

Tại thị trường trong nước, giá tiêu cũng bắt đầu có dấu hiệu tăng trong tháng 8/2020. Cụ thể, so với tháng trước, giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu đã tăng 1.500 đ/kg lên mức 49.500 đ/kg; giá tiêu tại Đắk Lắk, Đắk Nông tăng 2.000 đ/kg lên 48.500 đ/kg; giá tiêu tại Đồng Nai tăng 2.500 đ/kg lên 47.500 đ/kg.

Một số nhận định và dự báo: (1) Sự bùng phát và lây lan của đại dịch Covid-19 đã và đang tác động nghiêm trọng đến thương mại và chuỗi cung ứng hồ tiêu toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Năm 2020, theo dự báo của Hiệp hội hồ tiêu Việt Nam, sản lượng hồ tiêu Việt Nam đạt khoảng 240.000 tấn, giảm 15% so với năm 2019. Điều này gây thêm khó khăn cho các nhà xuất khẩu tiêu, theo đó mục tiêu xuất khẩu 280 nghìn tấn tiêu, với giá trị đạt 800 triệu USD, trong năm 2020 cũng được dự báo còn nhiều khó khăn⁵; (2) Từ ngày 06/4/2020, Chính phủ Nepal ban hành lệnh hạn chế nhập khẩu toàn diện với 05 mặt hàng trong đó có Hồ tiêu. Lệnh cấm có hiệu lực ngay lập tức và chỉ những lô hàng đã mở L/C (tín dụng thư tại ngân hàng nước nhập khẩu trước ngày 29/3/2020 mới được làm thủ tục nhập khẩu, việc này dẫn đến 58 containers hồ tiêu trị giá khoảng 3 triệu USD của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam không được thông quan vì tất cả các hợp đồng của lô hồ tiêu này đều được thanh toán theo điều kiện DP hoặc DA nên không được nhập khẩu vào Nepal. Chính phủ Nepal cho rằng các lô hàng này vi phạm quy định, hồ tiêu là mặt hàng thực phẩm cần đăng ký tại Cơ quan Công nghệ và Quản lý thực phẩm trước khi làm thủ tục nhập khẩu. Tuy nhiên các doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu đã không thực hiện và có dấu hiệu vi phạm trong thời gian dài. Gần đây Chính phủ Ấn Độ liên tục cảnh báo có hoạt động xuất nhập khẩu trái phép (buôn lậu), trong đó có Hồ tiêu, tại khu vực biên giới Ấn Độ với các nước láng giềng, trong đó có Nepal. Chính phủ Nepal cũng cho rằng số lượng Hồ tiêu nhập khẩu vào Nepal tăng đột biến trong 2-3 năm qua nhưng số lượng tiêu dùng thực tế tại nước này lại rất ít. Qua vụ việc này, khuyến nghị ngành Hồ tiêu trong thời gian tới:

⁴ Giá tiêu được so sánh tại thời điểm 31/7/2020 và thời điểm 25/8/2020, nguồn Hiệp hội hồ tiêu quốc tế (IPC)

⁵ Trích thông tin tổng hợp từ trang tin "beta.gappingworld.com"

- Doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam cần nâng cao hơn nữa nghiệp vụ đàm phán thương mại quốc tế, nghiên cứu kỹ pháp luật để áp dụng những điều khoản thanh toán phù hợp, an toàn mọi tình huống, mọi biến động, đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật.

- Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam cần nâng cao vai trò định hướng sản xuất và xuất khẩu sản phẩm, tăng cường phát hiện và cảnh báo các hoạt động xuất nhập khẩu bất thường và có dấu hiệu vi phạm quy định nước nhập khẩu, tăng cường phối hợp với các ngành hàng tại nước nhập khẩu. Khuyến nghị doanh nghiệp Việt Nam nghiên cứu chế biến, tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm Hồ tiêu, hạn chế xuất khẩu thô, tham khảo học hỏi kinh nghiệm của Ấn Độ phát triển ngành gia vị và công nghệ chế biến thực phẩm.

7. Hạt điều

Trong tháng 08/2020, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 45 nghìn tấn với giá trị 261 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 8 tháng đầu năm 2020 đạt 312 nghìn tấn và 1,99 tỷ USD, tăng 9% về khối lượng nhưng giảm 5,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm, chiếm thị phần lần lượt là 35,2%, 13% và 10,6% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường Nhật tăng 88,6%; ngược lại thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Nga giảm 40,8%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 7 tháng đầu năm 2020 đạt 6.614 USD/tấn, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 08/2020 ước đạt 141 nghìn tấn với giá trị đạt 148 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 8 tháng đầu năm 2020 đạt 924 nghìn tấn và 1,14 tỷ USD, giảm 18,4% về khối lượng và giảm 23,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu hạt điều chính trong tháng 7 năm 2020 là Campuchia, Tanzania, Bờ Biển Ngà.

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu biến động trái chiều trong tháng 8/2020. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước từ 24.500 đ/kg tăng lên 26.000 đ/kg; tại Đắk Lắk, điều tươi (chưa phân loại) ổn định ở mức 30.500 đ/kg, điều khô loại 1 ở mức 50.000 đ/kg; tại Đồng Nai, điều thô mua xô giảm mạnh từ 42.000 đ/kg xuống còn 33.000 đ/kg.

Trên thị trường thế giới, Ấn Độ không niêm yết giá điều xuất khẩu kể từ giữa tháng bảy, khả năng tiếp tục có một chu kỳ gián đoạn mới do tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Trên thị trường nội địa Ấn Độ, nhu cầu bán lẻ không có biến động lớn do lũ lụt tiếp tục ảnh hưởng đến vùng Mumbai-Rajasthan.

Dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến ngành điều Việt Nam trong thời gian vừa qua. Giá điều nhân liên tục giảm trong thời gian qua khiến nhiều doanh nghiệp chế biến

điều của Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề khi đã dự trữ nguyên liệu với giá cao nhưng phải xuất khẩu đi với giá thấp. Các doanh nghiệp thường dự trữ điều thô từ cuối năm trước để chế biến xuất khẩu cho năm sau, vào thời điểm cuối năm 2019 giá điều thô khá cao, từ 1.200 đến 1.500 USD/tấn. Đến đầu năm 2020 giá điều thô giảm xuống còn 1.000 USD/tấn, kéo giá điều nhân giảm theo khiến cho doanh nghiệp lỗ nặng, buộc phải sản xuất cầm chừng, thậm chí tạm ngừng hoạt động. Ngoài ra việc giá điều giảm khiến khách hàng chú ý nhiều hơn đến chất lượng, nên nhiều vụ tranh chấp thương mại đã xảy ra, nhiều lô hàng xuất khẩu bị trả về.

Một số nhận định và dự báo: (1) Xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng vì vào những tháng cuối năm các nước nhập khẩu lớn như Mỹ, Ấn Độ, EU và Trung Quốc sẽ tăng nhập khẩu phục vụ nhu cầu các dịp lễ tết cuối năm. Giá điều nhân dự báo cũng sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới theo luật cung cầu trên thị trường vì trong thời gian qua nhiều cơ sở chế biến điều quy mô nhỏ và vừa ở cả Việt Nam và Ấn Độ giảm công suất, tác động đến lượng hàng cung ứng ra thị trường giảm; (2) Nhu cầu tiêu thụ điều trên thế giới trong 6 tháng cuối năm 2020 khó có thể dự đoán bởi hạt điều không phải là thực phẩm thiết yếu và rủi ro tái bùng phát đại dịch Covid-19 tại Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước tiêu dùng hạt điều lớn trên thế giới.

8. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 8/2020 ước đạt 220 nghìn tấn, giá trị 267 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 8 tháng đầu năm 2020 đạt 905 nghìn tấn, giá trị 1,15 tỷ USD, giảm 5,9% về khối lượng và giảm 12,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá cao su xuất khẩu bình quân 7 tháng đầu năm 2020 khoảng 1.290,5 USD/tấn, giảm 6,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2020, chiếm thị phần lần lượt là 72,3%, 4,4% và 2,6%.

Khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 8/2020 ước đạt 91 nghìn tấn, giá trị đạt 108 triệu USD; nâng khối lượng nhập khẩu cao su 8 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam lên 555 nghìn tấn, giá trị 745 triệu USD; tăng 27% về lượng nhưng giảm 0,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu của Việt Nam là Campuchia (18,5%), Hàn Quốc (chiếm 17,2%) và Nhật Bản (12,2%).

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước biến động trái chiều trong tháng 8. Tại Bình Phước, giá thu mua mủ nước tăng lên 245 đồng/độ, mủ cao su dạng thô ổn định ở mức 12.000 đ/kg. Trong khi đó, giá mủ tại Đồng Nai giảm 400 đ/kg xuống còn 9.000 đ/kg.

Trên thị trường thế giới, giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Osaka (OSE) có xu hướng tăng trong tháng 8. Các nhà đầu tư đẩy mạnh hoạt động giao dịch ngắn

ngừa rủi ro khi chứng khoán phố Wall và Tokyo tăng, đồng thời cũng kỳ vọng về nền kinh tế tại Trung Quốc (thị trường nhập khẩu hàng đầu) hồi phục, hỗ trợ giá. Giá cao su physical trên thị trường châu Á diễn biến tăng cùng chiều với thị trường kỳ hạn. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 19/8 ở mức 1,74 USD/kg, tăng 0,14 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,35 USD/kg, tăng 0,06 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,32 USD/kg, tăng 0,08 USD/kg; SIR20 Indonesia ở mức 1,32 USD/kg, tăng 0,08 USD/kg so với ngày 3/8.

Một số nhận định và dự báo: (1) Thương mại cao su có thể phục hồi trong giai đoạn 6 tháng cuối năm. Hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) dự báo tiêu thụ cao su tự nhiên toàn cầu trong giai đoạn tháng 8-10/2020 tăng 2,6% so với cùng kỳ 2019, sau khi giảm 15% trong 6 tháng đầu năm 2020 xuống 5,91 triệu tấn, và giảm tiếp 2,7% trong tháng 7/2020. Cũng theo Tổ chức này, nhu cầu tăng ở Trung Quốc sẽ bù lại cho sự sụt giảm ở Malaysia – nơi nhu cầu nguyên liệu sản xuất găng tay cao su giảm đi. Trong tháng 9/2020, ANRPC dự báo tiêu thụ cao su thiên nhiên thế giới sẽ tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng cao su thiên nhiên toàn cầu trong giai đoạn 4 tháng kết thúc vào tháng 10/2020 dự báo sẽ giảm 2,4%, sau khi đã giảm 6,8% trong 6 tháng đầu năm 2020 (so với cùng kì 2019); (2) Dự báo cả năm 2020, ANRPC đưa ra triển vọng nhu cầu cao su tự nhiên trong năm 2020 sẽ đạt 12,75 triệu tấn, tăng so với 12,67 triệu tấn trong dự báo trước đây và cũng tăng 7,3% so với năm trước. ANRPC nhận định, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu năm 2020 sẽ chỉ đạt 13,195 triệu tấn, giảm 4,5% so với năm 2019. Nhu cầu tăng trong khi sản lượng giảm sẽ đẩy giá cao su tự nhiên đi lên; (3) Trong khi đó, Tập đoàn Nghiên cứu Cao su Quốc tế (IRSG) dự báo nhu cầu cao su tự nhiên thế giới năm 2020 sẽ giảm 11% so với năm 2019, xuống 12,12 triệu tấn; sau khi đã giảm 1% trong năm 2019 so với năm 2018; nhưng sau đó sẽ hồi phục trong năm 2021 (tăng 7,8%). Nguyên nhân của sự sụt giảm mạnh đó được cho là bởi những biện pháp chống dịch Covid-19, trong đó có phong tỏa/giãn cách xã hội, các nhà máy phải tạm dừng hoạt động, kinh doanh bán lẻ trì trệ, thiếu nhân lực lao động.

9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 8 năm 2020 ước đạt 31 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2020 ước đạt 250 triệu USD, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2019. Bảy tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa đạt 53,69 triệu USD, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu thịt và các phụ phẩm từ thịt đạt 47,65 triệu USD, giảm 48,8% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu mật ong đạt 38,05 triệu USD, tăng 41,4% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu phụ phẩm sau giết mổ đạt 33,77 triệu USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 8 năm 2020 đạt 280 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2020 đạt xấp xỉ 2,3 tỷ USD,

tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và các sản phẩm sữa ước tăng 10,8%, đạt 766 triệu USD, giá trị nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi khác ước tăng 12,3%, đạt 1,53 tỷ USD.

Trong tháng qua, giá lợn nạc giao tháng 10/2020 thị trường Chicago, Mỹ tăng 2,25 UScent/lb (~1.150 VNĐ/kg) so với tháng trước, lên mức 54,25 UScent/lb (~27.724 VNĐ/kg). Giá thịt lợn tiếp tục tăng do các nhà máy chế biến phải đóng cửa bởi dịch Covid -19 khiến tỷ lệ giết mổ hiện đang ở mức thấp chưa từng thấy trong những năm gần đây.

Trong tháng 8/2020 tại thị trường trong nước, giá lợn hơi tại các khu vực trên cả nước biến động xu hướng giảm. Cụ thể, giá lợn hơi tại miền Bắc dao động trong khoảng 78.000 - 83.000 VNĐ/kg, giảm 6.000 – 9.000 VNĐ/kg so với tháng trước. Tại Nam Định giá lợn hơi bình quân tháng 8 giảm xuống còn 85.000 VNĐ/kg tương đương với mức giá tại một số tỉnh khác như Hà Nam, Thái Nguyên và Ninh Bình. Tại miền Trung, Tây Nguyên, giá lợn hơi trong tháng qua được thương lái thu mua giảm nhẹ 1.000 – 2.000 VNĐ/kg so với tháng trước, dao động trong khoảng 79.000 - 87.000 VNĐ/kg. Giá lợn hơi bình quân trong tháng tại Thanh Hóa và Ninh Thuận cùng đạt 86.000 VNĐ/kg, còn ở Nghệ An, Quảng Bình, Khánh Hòa, Lâm Đồng thấp hơn ở mức 85.000 VNĐ/kg. Tại miền Nam, giá lợn hơi dao động trong khoảng 80.000 - 87.000 VNĐ/kg, giảm 5.000 VNĐ/kg so với tháng trước. Tại Bình Phước và Kiên Giang, lợn hơi được thu mua với giá bình quân là 85.000 VNĐ/kg, trong khi đó, giá thu mua tại Bến Tre và Long An ở mức 84.000 VNĐ/kg.

Giá các sản phẩm gia cầm bán tại trại trong tháng qua ở các vùng có những biến động trái chiều, trong khi giá tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung tăng thì tại miền Nam giá các sản phẩm gia cầm lại có chiều hướng giảm. Cụ thể, giá gà thịt lông màu tại khu vực miền Bắc tăng 2.000 VNĐ/kg so với tháng trước lên 40.000 VNĐ/kg, còn tại khu vực miền Trung tăng 6.000 – 7.000 VNĐ/kg lên 39.000 – 40.000 VNĐ/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Đông và miền Tây Nam Bộ giảm 10.000 – 11.000 VNĐ/kg so với tháng trước xuống còn 26.000 – 27.000 VNĐ/kg. Giá trứng gà miền Bắc và miền Trung tăng 100 VNĐ/quả lên mức 2.100 – 2.200 đ/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ giảm 400 - 650 VNĐ/quả, hiện ở mức 1.500 – 1.650 VNĐ/quả. Giá các sản phẩm gia cầm tại Nam Bộ giảm do tác động của đại dịch Covid-19 và thời tiết, hiện việc tiêu thụ khó khăn, các thương lái thu mua nhỏ giọt khiến giá giảm.

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 8 năm 2020 ước đạt 800 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 8 tháng đầu năm 2020 đạt 5,2 tỷ USD, giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng

đầu của thủy sản Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2020, chiếm 60% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Cụ thể: thị trường Mỹ đạt 838,44 triệu USD, tăng 4,5%; Nhật Bản đạt 788,83 triệu USD, giảm 2,6%; EU đạt 661,51 triệu USD, giảm 8,5% (thị trường tăng trưởng mạnh nhất là Anh tăng 17,8%); Trung Quốc đạt 590,65 triệu USD, giảm 1,1%; Hàn Quốc đạt 422,59 triệu USD, giảm 4,1%; Đông Nam Á đạt 317,04 triệu USD, giảm 12,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Về các mặt hàng xuất khẩu trong tháng 7/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 286,75 triệu USD, chiếm 36,01% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản, tăng 17,57% so với cùng kỳ năm 2019; tôm sú đạt 50,09 triệu USD, chiếm 6,29%, giảm 12,98%. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản khác như sau: Cá tra đạt 121,92 triệu USD, chiếm 15,31%, giảm 26,67%; mực và bạch tuộc đạt 49,03 triệu USD, chiếm 6,16%, giảm 3,04%; cá ngừ đạt 64,04 triệu USD, chiếm 8,04%, tăng 1,59%; cua ghe đạt 17,76 triệu USD, chiếm 1,98%, tăng 78,33%.

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 8/2020 đạt 148 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2020 đạt 1,14 tỷ USD, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2019. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 7 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là từ Ấn Độ (chiếm tỷ trọng 13,8%), Na Uy (11,8%), Nhật Bản (10,2%).

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), nhập khẩu cá tra trong tháng 6 giảm cả về lượng và giá trị so với tháng trước, trong khi nhập khẩu tôm ở xu thế ngược lại. Đơn giá trung bình của cá tra phile đông lạnh nhập khẩu trong tháng 6/2020 tại Mỹ là 2,85 USD/kg, giảm 1% so với tháng trước đó và thấp hơn 21,7 % so với cùng tháng năm 2019. Đơn giá bình quân nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 6/2020 đạt 8,27 USD/kg, giảm 1,54% so với tháng 5 và tăng 1,22% so với tháng 6/2019. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 vẫn đang tác động lên ngành tôm toàn cầu và có thể phải mất một thời gian dài ngành tôm mới quay trở lại bình thường như trước đây.

Giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh thuộc ĐBSCL trong tháng 8/2020 tăng nhẹ đạt khoảng 200 đ/kg so với tháng trước, giao động trong khoảng 17.500-18.000 đ/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con). Nhìn chung, thị trường vẫn diễn biến chậm do tình hình xuất khẩu vẫn ảm đạm với lượng đặt hàng mới yếu, lượng tồn kho cao cùng với giá xuất khẩu thấp. Dịch Covid-19 vẫn còn ảnh hưởng mạnh tới hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp chế biến cá tra trong nước. Dự báo trong thời gian tới, giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL tiếp tục ổn định do những tác động của thị trường thế giới khi bị ảnh hưởng của đại dịch.

Do ảnh hưởng của dịch COVID-19 quay trở lại, giá tôm thương phẩm tại ĐBSCL tháng 8 có dấu hiệu giảm nhẹ so với tháng 7. Tại Bạc Liêu, tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg giảm 20.000 đ/kg còn 190.000 đ/kg, cỡ 30 con/kg giảm 20.000 đ/kg xuống 160.000 đ/kg.

đ/kg, cỡ 40 con/kg giảm 10.000 đ/kg xuống 130.000 đ/kg. Giá tôm thẻ chân trắng cỡ 60 con/kg giảm 7.000 đ/kg xuống còn 93.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg giảm 3.000 đ/kg còn 87.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg giảm 7.000 đ/kg còn 78.000 đ/kg. Tình hình nuôi tôm từ nay đến cuối năm sẽ còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng về thời tiết, khí hậu, khả năng xâm nhập mặn tại ĐBSCL.

Một số nhận định và dự báo: (1) Dịch Covid 19 đang diễn biến phức tạp và đang có làn sóng bùng phát lần thứ 2 ở các quốc gia trên thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường trong quý III/2020. Theo các chuyên gia dự báo, giá trị xuất khẩu thủy sản năm 2020 đạt 8,26-8,3 tỉ USD, giảm 3,8% so với năm 2019. Tuy nhiên, thủy sản Việt Nam đang có những lợi thế cạnh tranh nhất định với các đối thủ như Ấn Độ, Ecuador nhờ ổn định lại sản xuất nhanh hơn sau Covid-19. Tuy nhiên, để đạt lợi nhuận cao, doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang các thị trường như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc,... nên tập trung vào các sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng cao như các sản phẩm có thể sử dụng trực tiếp để phù hợp với những thay đổi mới của thị trường; **(2)** Lượng nhập khẩu cá ngừ vào Mỹ tháng 6/2020 tăng 21,1% so với tháng 6/2019, nguyên nhân chính là do giá nhập khẩu trung bình cá ngừ vào Mỹ giảm 1,16USD/kg, đạt 5,37 USD/kg. Dự báo nhập khẩu cá ngừ vào Mỹ trong quý III/2020 tăng, do giá nhập khẩu vẫn ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, giá cá ngừ nhập khẩu sẽ tăng trong quý IV/2020 khi nhu cầu thế giới tăng cao và lượng cá ngừ cung ứng sẽ không cao như quý III/2020; **(3)** Trong thời gian tới, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Canada sẽ tăng khá do nhu cầu tiêu thụ thủy sản của Canada tăng. Trong đó, tôm (mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam) sẽ tăng trưởng tốt. Canada tiêu thụ khá nhiều tôm nước ấm của Đông Nam Á (trong đó có tôm Việt Nam) trong bối cảnh nguồn cung tôm nước lạnh sụt giảm. Trong những tháng đầu năm 2020, Canada cũng là một trong những nước phải chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 do đó mua tôm chế biến sẵn về nhà tiêu dùng cũng khá phổ biến ở Canada.

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 8 năm 2020 ước đạt 1,15 tỷ USD, lũy kế xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2020 ước đạt 7,32 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản tiếp tục duy trì vị trí là 3 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2020. Tỷ trọng xuất khẩu sang 3 thị trường này chiếm 77,1% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong 7 tháng đầu năm 2020.

Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm duy trì tăng trưởng xuất khẩu với giá trị xuất khẩu đạt 3,3 tỷ USD; tăng 22% so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ trọng xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ sang thị trường Mỹ cũng ghi nhận

mức tăng trưởng đột biến với mức tăng 7%⁶. Trong đó, động lực tăng trưởng xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ sang thị trường Mỹ chủ yếu đến từ nhóm hàng đồ gỗ nội, ngoại thất.

Trong tháng 8 vừa qua, thị trường thế giới trải qua các diễn biến trái chiều. Tại Nhật Bản, mặc dù lệnh hạn chế tiếp xúc xã hội đã bắt đầu được gỡ bỏ nhưng triển vọng nhu cầu gỗ tiếp tục gặp khó trong bối cảnh nền kinh tế Nhật Bản đứng trước nguy cơ suy thoái. Ngân hàng Nhật Bản dự báo nền kinh tế nước này có thể suy giảm 4,7% và chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,5% trong năm tài khóa 2020; Tại Mỹ, thị trường nhà ở phục hồi trong tháng 6 là động lực thúc đẩy nhu cầu gỗ và sản phẩm gỗ của nước này. Theo ITTO, số đơn hàng nội thất của Mỹ trong tháng 5 tăng tới 166% so với tháng 4. Tuy nhiên, nếu so với cùng kỳ năm 2010 thì số đơn hàng giảm 8%, thấp hơn nhiều so với con số 61% của tháng 4 trước đó.

Một số nhận định và dự báo: Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ngành gỗ Việt Nam đã có những bước chuyển mình để thích ứng và vượt qua thách thức. Nhờ đó, ngành gỗ vẫn duy trì được động lực tăng trưởng trong 8 tháng đầu năm 2020. Diễn hình trong nỗ lực vượt qua thách thức của ngành gỗ không thể kể đến những sáng kiến về nền tảng thương mại trực tuyến của Hội Mỹ Nghệ và Chế Biến Gỗ Tp. Hồ Chí Minh (HAWA). Theo đó, HAWA đưa ra mắt Nền tảng triển lãm trực tuyến của HAWA (HOPE - HAWA Online Platform for Exhibition) nhằm kết nối các doanh nghiệp trong lĩnh vực gỗ và nội thất Việt Nam với các nhà mua hàng quốc tế. Trên cơ sở nền tảng này, các nhà trưng bày được thể hiện năng lực cạnh tranh thông qua việc giới thiệu các sản phẩm, quy mô sản xuất và cung ứng toàn cầu một cách trực quan, chuyên nghiệp để gia tăng cơ hội bán hàng cho các thị trường quốc tế. Nhà mua hàng có thể yên tâm trải nghiệm, tìm kiếm, và lựa chọn các đơn vị cung cấp tiềm năng dựa trên các thông tin phong phú được xác thực bởi HAWA. Bên cạnh sự sáng tạo và thích ứng của doanh nghiệp trong bối cảnh mới, ngành gỗ nhận được nhiều sự quan tâm từ phía các cơ quan trung ương nhằm đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp và duy trì động lực tăng trưởng cho ngành. Trong tuần đầu tháng 8, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì buổi họp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Tổng cục Hải quan, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam cùng các doanh nghiệp gỗ dán, gỗ ghép thanh để có giải pháp tháo gỡ dứt điểm vướng mắc về vấn đề áp mã HS mặt hàng gỗ ghép thanh thể hiện quyết tâm hỗ trợ từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước. Trong hai quý cuối năm, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tiếp tục ghi nhận tăng trưởng xuất khẩu nhờ sự nỗ lực chuyển đổi của cộng đồng doanh nghiệp, sự đồng hành và hỗ trợ tích cực của Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng như những tín hiệu phục hồi tích cực tại một số thị trường chính như Mỹ.

⁶ Tỷ trọng xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ sang thị trường Mỹ đạt 47%, con số này tăng lên 54% trong 7 tháng đầu năm 2020

MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH TRÊN THỊ TRƯỜNG

1. Quy định về xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định EVFTA

Ngày 15/6/2020, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BCT quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định EVFTA. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, cùng ngày hiệu lực với Hiệp định EVFTA.

Điểm b khoản 2 Điều 19 của Thông tư quy định đối với lô hàng xuất khẩu của Việt Nam có trị giá không quá 6.000 EUR, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ. Sau khi thực hiện tự chứng nhận xuất xứ (Điều 25 – Thông tư), thương nhân phải có trách nhiệm báo cáo, đăng tải chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá và chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu do thương nhân tự chứng nhận trên hệ thống www.ecosys.gov.vn.

Đối với lô hàng xuất khẩu có trị giá trên 6.000 EUR, nhà xuất khẩu phải có C/O mẫu EUR.1 thực hiện tương tự các C/O hiện hành.

Chi tiết tham khảo tại: <https://www.moit.gov.vn/documents/36315/0/CV+0812+XNK-XXHH.pdf/flac5c5a-981a-4d1e-9a3b-ec8830662dee>

17

2. Ngày 21/8/2020, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 5575/TCHQ-GSQL hướng dẫn về chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định EVFTA trong khi chờ ban hành Nghị định biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định này. Theo đó, Tổng cục Hải quan nêu rõ, đối với các tờ khai hải quan nhập khẩu đăng ký từ ngày 01/8/2020, trường hợp người khai hải quan nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp từ ngày 01/8/2020, cơ quan hải quan hướng dẫn người khai hải quan khai thông tin về chứng từ chứng nhận xuất xứ trên tờ khai hải quan theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 62/2019/TT-BTC ngày 5/9/2019) và thực hiện tiếp nhận theo quy định.

Về áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của EU trong Hiệp định EVFTA, EU sẽ áp dụng cơ chế chứng nhận xuất xứ tương ứng theo quy định được hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 19 Thông tư số 11/2020/TT-BCT (tự chứng nhận xuất xứ theo hệ thống REX). Đồng thời, EU không áp dụng cơ chế chứng nhận xuất xứ tương ứng theo quy định được hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 19 Thông tư số 11/2020/TT-BCT.

Việt Nam sẽ cho hưởng ưu đãi đối với lô hàng có xuất xứ từ EU trên cơ sở chứng từ tự chứng nhận xuất xứ được phát hành bởi nhà xuất khẩu đã đăng ký mã số REX hoặc bởi bất kỳ nhà xuất khẩu nào chứng nhận cho lô hàng có trị giá không quá 6.000 EUR.

Về thời điểm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong khuôn khổ Hiệp định EVFTA, tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 62/2019/TT-BTC ngày 5/9/2019). Trong giai đoạn dịch Covid-19, tham khảo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 47/2020/TT-BTC ngày 27/5/2020.

3. Liên quan đến cảnh báo từ Bộ Công Thương và Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ đối với một số thông tin sự vụ về “hạt tiêu đen nhẹ” (light black pepper) – mã HS 09041120 nhập khẩu từ Việt Nam không đáp ứng các tiêu chuẩn yêu cầu tại Thông báo số 21/2015-2020 (ngày 25/7/2018) của Tổng cục Ngoại thương Ấn Độ về việc điều chỉnh quy định điều kiện nhập khẩu tiêu vào thị trường Ấn Độ, đề nghị các doanh nghiệp và các cơ quan nắm bắt thông tin, kiểm soát chất lượng, dự phòng biện pháp ứng phó nhằm giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Chi tiết tham khảo tại: <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/bo-cong-thuong-canh-bao-ve-viec-an-do-co-kha-nang-siet-chat-tieu-chuan-đoi-voi-ho-tieu-nhap-khau-20210-22.html>

4. Australia thông báo gia hạn thay đổi tạm thời đối với các yêu cầu đối với việc sử dụng bản gốc của giấy chứng nhận về giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận y tế do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đối với dịch vụ hàng không và chuyển phát nhanh đến ngày 1/10/2020. Biện pháp này áp dụng đối với các hàng hoá nhập khẩu có nguồn gốc thực vật, động vật, sinh học và các hàng hoá có nguồn gốc động vật.

Chi tiết tham khảo tại:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/Data/File/Notice/4115/NAUS501.pdf>

5. Hàn Quốc đề xuất sửa đổi “Đạo luật về dán nhãn và quảng cáo thực phẩm”. Theo đó, các đề xuất sửa đổi: thay thế cụm từ “Bán trước ngày” trên nhãn dán thực phẩm thành cụm từ “Sử dụng trước ngày”.

Chi tiết tham khảo tại:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/Data/File/Notice/4133/NKOR691.pdf>

MỘT SỐ THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI THÚC ĐẨY TIÊU THỤ NÔNG SẢN TRONG THÁNG 9-10/2020

1. Phiên chợ Tuần nông sản an toàn thực phẩm năm 2020 tại Thành phố Hải Phòng, dự kiến vào ngày 18 – 20/9/2020 (*Đơn vị tổ chức: Trung tâm Xúc tiến thương mại Nông nghiệp*)

2. Hội chợ Triển lãm Quốc tế ngành tôm Việt Nam (VietShrimp) lần thứ 3 tại TP. Cần Thơ, dự kiến vào ngày 07 – 09/10/2020 (*Đơn vị tổ chức: Hội nghề cá Việt Nam*);

3. Hội thảo phổ biến rào cản kỹ thuật để triển khai Hiệp định EVFTA đối với ngành hàng thủy sản, dự kiến tổ chức trong thời gian Hội chợ VietShrimp lần thứ 3 tại Cần Thơ (*Đơn vị tổ chức: Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản*)/.